

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-8-2018.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Kiều Lương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Trọng Pháp**.

2. Bà **Trần Thị Hồng Phụng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Trường** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn H**, sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 25, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H1**, sinh năm 1967.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, Khu 13, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Tổ 4, Khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

(Ông H, bà H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đoàn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, không tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai thường xuyên gây gỗ, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, kể từ đó hai người đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù, cả hai đã cố gắng hàn gắn để tiếp tục chung sống nhưng vẫn không thể khắc phục, không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà H1 để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để tham gia quá trình làm việc, hòa giải và tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H1 không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về nội dung: Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đúng tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp của vụ án. Đồng thời căn cứ vào quá trình điều tra, thu thập chứng cứ. Xét thấy, ông H và bà H1 chung sống với nhau từ năm 1997, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà H1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Văn H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án và tham gia phiên tòa nhưng bà H1 vẫn không có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa và vắng mặt không có lý do; Việc bà H1 không có mặt là tự mình đã chối bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Về nội dung: Ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có sự chứng kiến của hai bên gia đình, không tổ chức đám cưới, trong quá trình chung sống cả hai không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, cụ thể: “1. Việc kết hôn

phải được đăng ký...” nhưng ông bà không tiến hành đăng ký kết hôn. Ông H và bà H1 chung sống với nhau 18 năm nhưng quan hệ hôn nhân này không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống cả hai không hợp nhau và phát sinh mâu thuẫn cho đến nay nên ông H làm đơn xin được ly hôn với bà H1.

[3] Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông H với bà H1 từ năm 1997, sau khi chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình cả hai không phù hợp, không còn đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H vẫn kiên quyết xin được ly hôn; Xét hiện nay tình cảm giữa ông H và bà H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông Đoàn Văn H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ ông H trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bà H1 vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của bà H1 về nội dung nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tách ra và dành quyền khởi kiện cho ông H và bà H1 bằng một vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu và đóng tạm ứng án phí đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 203; 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; 14; 51; 53; 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho bà H1 và ông H bằng một vụ kiện khác khi các bên có đơn yêu cầu theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Ông Đoàn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005400 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông H đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Ông H, bà H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- CCTHADS huyện Long Thành (1);
- UBND thị trấn Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Kiều Lương